TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 140/2024/HNGĐ-ST Ngày 08-8-2024 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THNH PHỐ HẢI PHÒNG

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Bà Bùi Thuý Mở

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Thế THnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, nơi cư trú: Thôn 4, xã, a, huyện Thuỷ Nguyên, tHnh phố Hải Phòng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, nơi cư trú: Thôn 4, xã, a huyện Thuỷ Nguyên, tHnh phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Quảng Thanh, huyện Thuỷ Nguyên năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, mâu thuẫn trong việc phát triển kinh tế gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, đã được gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng

không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà My, sinh năm 2013, Nguyễn Thị Thanh Trà, sinh năm 2018. Ly hôn chị H nhận nuôi con chung Thanh Trà, đồng ý giao con chung Trà My cho anh T nuôi dưỡng, Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn T nhưng anh T không cung cấp lời khai, không lên Tòa án để giải quyết việc ly hôn và cũng không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc T theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến Hnh giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T; giao con chung Nguyễn Thị Trà My, sinh năm 2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thị Thanh Trà, sinh năm 2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng năm 2013, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng, nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa khẳng định: Trong quá trình chung sống chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị H cung cấp là do bất đồng quan điểm, tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo mở phiên họp hòa giải nhưng anh T đều

vắng mặt nên Tòa án không tiến Hnh hòa giải được. Theo tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện trong thời gian chung sống, vợ chồng chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn, gia đình và địa phương đã tiến Hnh hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Như vậy, có thể khẳng định quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà My, sinh năm 2013, Nguyễn Thị Thanh Trà, sinh năm 2018. Cháu Trà My có nguyện vọng được ở với anh T, chị H cũng đồng ý giao con chung Trà My cho anh T nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao con chung Nguyễn Thị Trà My cho anh T nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thị Thanh Trà cho chị H nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Trà My, sinh năm 2013 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thị Thanh Trà, sinh năm 2018 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009941 ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị H, anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnhán hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tHnh phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Quảng Thanh (ĐKKH năm 2013);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai